

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỒ SƠ TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

HẠT HƯƠNG DƯƠNG CHACHEER HƯƠNG NẤM TRUFFLE

TCCS 03/VDN/2025

CÔNG TY CPHH VEDAN VIỆT NAM

Địa chỉ: Quốc lộ 51, ấp 1A, xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại: 0251.3825111 **Fax:** 0251.3825138

Email: dl-hha@vedaninternational.com

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

SỐ: TCCS 03/VDN/2025

I. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM
Địa chỉ: Quốc lộ 51, ấp 1A, xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Điện thoại: 0251.3825111 Fax: 0251.3825138
E-mail: dl-hha@vedaninternational.com
Mã số doanh nghiệp: 3600239719

II. THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM

1. Tên sản phẩm: Hạt Hướng Dương Chacheer Hương Nấm Truffle

2. Thành phần: Hạt hướng dương (92,4%), đường, muối, hương liệu nấm truffle tự nhiên và nhân tạo, chất điều vị (621, 635), chất tạo ngọt tổng hợp (Sucralose).

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì

a) Quy cách đóng gói (khối lượng tịnh): 100 g và các quy cách khác theo yêu cầu của khách hàng.

b) Chất liệu bao bì:

Sản phẩm được đóng gói trực tiếp trong bao giấy da lớp, chất liệu bao bì tiếp xúc trực tiếp với sản phẩm là nhựa PE, bên ngoài là thùng carton.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm

Nhà sản xuất: QIAQIA FOOD CO., LTD.

Địa chỉ: Lianhua Road, Economic & Technological Development Zone, Hefei 230601, China.

Xuất xứ: Trung Quốc.

III. MẪU NHÃN SẢN PHẨM

Xem mẫu nhãn đính kèm

IV. YÊU CẦU VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM

Công ty Cổ phần Hữu hạn Vedan Việt Nam nhập khẩu, kinh doanh sản phẩm “Hạt Hướng Dương Chacheer Hương Nấm Truffle” đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:



- QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm (mục 1.1).
- QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm (mục 1.8, 3.25).
- Thông tư 24/2019/TT-BYT Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm và Thông tư 17/2023/TT-BYT Sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật về an toàn thực phẩm do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành.
- Thông tư 50/2016/TT-BYT Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm.
- Tiêu chuẩn của nhà sản xuất.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Đồng Nai, ngày 17 tháng 02 năm 2025



TỔNG GIÁM ĐỐC

NI CHIH HAO



BẢN THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ SẢN PHẨM

Công ty Cổ phần Hữu hạn Vedan Việt Nam	Nhóm sản phẩm: Quả, hạt khô	Số: TCCS 03/VDN/2025
	Sản phẩm: HẠT HƯƠNG DƯƠNG CHACHEER HƯƠNG NẤM TRUFFLE	Có hiệu lực kể từ ngày 17 tháng 02 năm 2025

1. YÊU CẦU KỸ THUẬT:

1.1. Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu :

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức công bố
1	Độ ẩm	%	≤ 5
2	Năng lượng	kcal/100 g	≤ 670
3	Hàm lượng chất đạm	g/100 g	≥ 21,8
4	Hàm lượng chất béo	g/100 g	≤ 59,3
5	Hàm lượng Natri	mg/100 g	≤ 934
6	Hàm lượng Carbohydrat	g/100 g	≥ 3,5
7	Hàm lượng đường tổng số	g/100g	≤ 4,6

1.2. Các chỉ tiêu vi sinh vật: Phù hợp theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức công bố
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	< 10 ⁴
2	<i>Coliforms</i>	CFU/g	< 10
3	<i>Escherichia coli</i>	CFU/g	< 10
4	<i>Clostridium perfringens</i>	CFU/g	< 10
5	<i>Bacillus cereus</i>	CFU/g	< 10 ²
6	Tổng số bào tử nấm men, nấm mốc	CFU/g	< 10 ²

1.3. Hàm lượng kim loại nặng: Phù hợp QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm (mục 1.8, mục 3.25).

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Hàm lượng Arsen (As)	mg/kg	1,0
2	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/kg	2,0



1.4. Hàm lượng độc tố vi nấm: Phù hợp theo QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm (mục 1.1).

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Hàm lượng Aflatoxin B ₁	µg/kg	2
2	Hàm lượng Aflatoxin tổng số (B ₁ , B ₂ , G ₁ , G ₂)	µg/kg	4

1.5. Các hóa chất không mong muốn khác:

Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật: Phù hợp theo Thông tư 50/2016/TT-BYT Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm của Bộ Y tế.

2. Thời hạn sử dụng: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

Ngày sản xuất và hạn sử dụng: Xem NSX, HSD trên bao bì sản phẩm.

3. Hướng dẫn sử dụng và bảo quản:

- **Hướng dẫn sử dụng:** Bóc vỏ ăn liền sau khi mở bao bì.
- **Hướng dẫn bảo quản:** Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh sáng trực tiếp của mặt trời, không được đè nén và không tác động lực mạnh.

4. Thông tin cảnh báo: Sản phẩm có thể chứa sữa và các hạt cây.

5. Nội dung ghi nhãn:

Nội dung ghi nhãn phù hợp Nghị định 43/2017/NĐ-CP ngày 14/04/2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa và Nghị định 111/2021/NĐ-CP ngày 09/12/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 43/2017/NĐ-CP ngày 14/04/2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa.

Đồng Nai, ngày 17 tháng 02 năm 2025

TỔNG GIÁM ĐỐC


NI CHIH HAO



CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM

Địa chỉ: Quốc lộ 51, ấp 1A, xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

ĐT: 0251.3825111 Fax: 0251.3825138

KẾ HOẠCH GIÁM SÁT ĐỊNH KỲ

Sản phẩm: HẠT HƯỚNG DƯƠNG CHACHEER HƯƠNG NẤM TRUFFLE

Các chỉ tiêu giám sát	Định kỳ giám sát	Đơn vị thực hiện
- Độ ẩm - Năng lượng - Hàm lượng chất đạm - Hàm lượng chất béo - Hàm lượng Natri - Hàm lượng Carbohydrat - Hàm lượng đường tổng số - Tổng số vi sinh vật hiếu khí - Coliforms - Escherichia coli - Clostridium perfringens - Bacillus cereus - Tổng số bào tử nấm men và nấm mốc - Hàm lượng chì (Pb) - Hàm lượng asen (As) - Hàm lượng Aflatoxin B₁ - Hàm lượng Aflatoxin tổng số (B₁, B₂, G₁, G₂)	1 lần / năm	Phòng kiểm nghiệm được công nhận phù hợp ISO 17025

Đồng Nai, ngày 17 tháng 02 năm 2025

TỔNG GIÁM ĐỐC


NI CHIH HAO

ChaCheer

Premium Selection



HẠT HƯƠNG DƯƠNG

hương
năm
Truffle



Khối lượng tịnh: 100 g

Specialty selected sunflower seeds (Hạt hướng dương) for export. We assure of mixture. Please recognize ChaCheer logo for export.
Phân phối bởi Công Ty Cổ Phần Hữu Hạn Vedan Việt Nam



HẠT HƯƠNG DƯƠNG ChaCheer HƯƠNG NAM TRUFFLE

Thành phần: Hạt hướng dương (82.4%), đường, muối, hương (hạt nấm truffle tự nhiên và nhân tạo, chất điều vị (E21, E35), chất tạo ngọt tổng hợp (Sucralose).

Khối lượng tịnh: 100 g

NSX, HSD: Xem trên bao bì.

Hướng dẫn sử dụng: Bóc vỏ ăn (ăn sau khi mở bao bì).

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp của mặt trời, không được để nên và không tác động lực mạnh.

Thông tin cảnh báo: Sản phẩm có thể chứa sữa và các hạt cây.

Nhà sản xuất: CIAQIA FOOD CO., LTD.

Địa chỉ: Lianhua Road, Economic & Technological Development Zone, Hefei 230601, China

Xuất xứ: Trung Quốc

Thương nhân nhập khẩu, phân phối và chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa:

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM

Địa chỉ: Quốc lộ 51, ấp 1A, xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Free Hotline: 1800 599 902

Website: www.vedan.com.vn

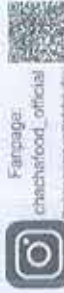
TCCS 03/VDN/2025



Facebook
ChaCheer Official
https://www.facebook.com/cha.cheer.official



Instagram
cha.cheer.official
https://www.instagram.com/cha.cheer.official



Twitter
cha.cheer.official
https://twitter.com/cha.cheer.official

ChaCheer AND ChaCheer
TRADEMARK OF CIAQIA FOOD CO., LTD.
FOR VIETNAM MARKET ONLY



6 924187 870420

HOW TO EAT ChaCheer SUNFLOWER SEEDS.
Crack the shell with your teeth, eat the seed and spit the shell.

Product of P. R. C

Do not litter

HÌNH ẢNH PHÒNG TO NHÂN SẢN PHẨM HẠT HƯƠNG DƯƠNG CHACHEER HƯƠNG NẤM TRUFFLE 100 g

HẠT HƯƠNG DƯƠNG ChaCheer HƯƠNG NẤM TRUFFLE

Thành phần: Hạt hương dương (92,4%), đường, muối, hương liệu nấm truffle tự nhiên và nhân tạo, chất điều vị (621, 635), chất tạo ngọt tổng hợp (Sucralose).

Khối lượng tịnh: 100 g

NSX, HSD: Xem trên bao bì.

Hướng dẫn sử dụng: Bóc vỏ ăn liền sau khi mở bao bì.

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp của mặt trời, không được để nén và không tác động lực mạnh.

Thông tin cảnh báo: Sản phẩm có thể chứa sữa và các hạt cây.

Nhà sản xuất: QIAQIA FOOD CO., LTD

Địa chỉ: Lianhua Road, Economic & Technological Development Zone, Hefei 230601, China

Xuất xứ: Trung Quốc

Thương nhân nhập khẩu, phân phối và chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa:

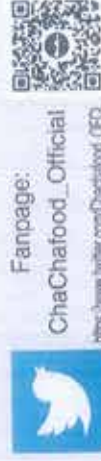
CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM

Địa chỉ: Quốc lộ 51, ấp 1A, xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

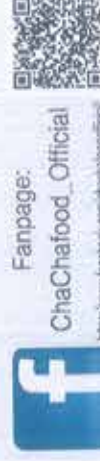
Free Hotline: 1800 599 902

Website: www.vedan.com.vn

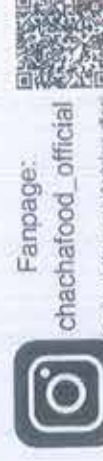
TCCS 03/VDN/2025



Fanpage:
ChaCheer_Food
https://www.facebook.com/ChaCheer_Food



Fanpage:
ChaCheer_Food
https://www.facebook.com/ChaCheer_Food



Fanpage:
chacheer_official
https://www.instagram.com/chacheer_official

Thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng (có trong 100 g sản phẩm)		
Năng lượng	≤	670 kcal
Chất đạm	≥	21,8 g
Carbohydrat	≥	3,5 g
Chất béo	≤	59,3 g
Natri	≤	934 mg
Đường tổng số	≤	4,6 g



ChaCheer® AND ChaCheer

TRADEMARK OF QIAQIA FOOD CO., LTD

FOR VIETNAM MARKET ONLY

KT3-07612BTP4

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

16/01/2025
Page 01/03

1. Tên mẫu
Name of sample : HẠT HƯƠNG DƯƠNG CHACHEER HƯƠNG NÂM TRUFFLE
2. Mô tả mẫu
Sample description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / *Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.*
Mẫu còn nguyên bao bì và nhãn hiệu.
As received sample is intact package and brand.
3. Số lượng mẫu
Quantity : 01
4. Ngày nhận mẫu
Date of receiving : 18/12/2024
5. Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 19/12/2024 - 03/01/2025
6. Nơi gửi mẫu
Customer : CÔNG TY CPHH VEDAN VIỆT NAM
VEDAN VIETNAM ENTERPRISE CORP., LTD
National road 51, Hamlet 1A, Phuoc Thai village, Long Thành -
Long Thanh District, Đồng Nai/ Dong Nai Province, Vietnam
7. Kết quả thử nghiệm
Test results : Xem trang / *See page 02,03/03*

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
HEAD OF FOOD TESTING LAB



Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC / PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM/
HEAD OF TESTING LAB.



Ngô Quốc Việt

KT3-07612BTP4

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

16/01/2025
Page 02/03

7. Kết quả thử nghiệm
Test results

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Phạm vi đo Range of measurement (≥)	Kết quả thử nghiệm Test result
7.1. Độ ẩm tính theo khối lượng, Moisture content (m/m)	% TCVN 8949:2011		-	1,26
7.2. Năng lượng ^(*) / Calories	QTTN/KT3 024 : 2018		-	
• kcal/100 g				583
7.3. Hàm lượng protein, Protein content	g/100 g QTTN/KT3 140 : 2016 Kjeldahl method		-	25,6
7.4. Hàm lượng béo, Fat content	g/100 g QTTN/KT3 139 : 2016 (Có thủy phân)		-	51,6
7.5. Hàm lượng natri, Sodium content	mg/100 g QTTN/KT3 293:2021 (Ref: AOAC (969.23))	-		812
7.6. Hàm lượng carbohydrate không bao gồm chất xơ, Carbohydrate excluding fibre content	g/100 g AOAC 2020.07		-	4,14
7.7. Hàm lượng chì, Lead content	mg/kg QTTN/KT3 098 : 2016	$3,00 \times 10^{-2}$		Không phát hiện Not detected
7.8. Hàm lượng asen tổng số, Total arsenic content	mg/kg TCVN 8427 : 2010	$1,00 \times 10^{-2}$		Nhỏ hơn $3,00 \times 10^{-2} (2)$ Less than
7.9. Hàm lượng aflatoxin B ₁ , Aflatoxin B ₁ content	µg/kg TCVN 7596:2007	0,25		Không phát hiện Not detected
7.10. Hàm lượng aflatoxin, Aflatoxin content	µg/kg TCVN 7596 : 2007			
• B ₁		0,25		Không phát hiện Not detected
• B ₂		0,25		Không phát hiện Not detected
• G ₁		0,25		Không phát hiện Not detected
• G ₂		0,25		Không phát hiện Not detected

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ email: info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses info@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viện 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming in ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viets 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

The Testing Lab is accredited as conforming in ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viets 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

KT3-07612BTP4

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

16/01/2025
Page 03/03

7. Kết quả thử nghiệm Test results

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Phạm vi đo Range of measurement (≥)	Kết quả thử nghiệm Test result
7.11. Tổng số vi sinh vật hiếu khí, CFU/g <i>Total aerobic plate count</i>	ISO 4833-1:2013, AMD 1:2022	-		2,0 x 10 ¹
7.12. Coliform, CFU/g	ISO 4832 : 2006	-		Nhỏ hơn 10 ⁽¹⁾ <i>Less than</i>
7.13. <i>E.Coli</i> , CFU/g	ISO 16649 – 2 : 2001	-		Nhỏ hơn 10 ⁽¹⁾ <i>Less than</i>
7.14. <i>Clostridium perfringens</i> , CFU/g	TCVN 4991 : 2005	-		Nhỏ hơn 10 ⁽¹⁾ <i>Less than</i>
7.15. <i>Bacillus cereus</i> giả định, CFU/g <i>Presumptive bacillus cereus</i>	ISO 7932 : 2004	-		Nhỏ hơn 10 ⁽¹⁾ <i>Less than</i>
7.16. Tổng số nấm men & nấm mốc, CFU/g <i>Total yeasts & moulds</i>	ISO 21527-2:2008	-		Nhỏ hơn 10 ⁽¹⁾ <i>Less than</i>
7.17. Hàm lượng đường tổng số ⁽³⁾ , g/100 g <i>Total sugars content</i>	QUATEST3 1222:2024	-	-	3,84

Ghi chú/ Note: (1): Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa.

According to the test method, the result is expressed as less than 10 CFU/g when the dish contains no colony.

(2): là giá trị LOQ (giới hạn định lượng) của phương pháp thử.

(3): Hàm lượng đường tổng số / *Total sugars content* (fructose + glucose + sacaroza + maltose + lactose + xylose + galactose)

Hàm lượng protein/ *Protein* = 5,3 x Hàm lượng nitơ tổng/ *Nitrogen*

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ email: cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA) Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viện 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viets 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*